

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2022

V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Vĩnh Hạnh;

Bà Nguyễn Ngọc Diễm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: ấp N, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 22/5/2008. Về sống chung với nhau hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, ông P ham mê cờ bạc, không quan tâm gia đình. Bà S được tạo nhiều cơ hội cho ông P thay đổi nhưng không có kết quả. Đến năm 2021 bà S bỏ về gia đình

bên mẹ của bà và không còn chung sống với ông P cho đến nay. Ông bà cũng đã tìm biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không hàn gắn được. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thanh T(Nam), sinh ngày 25/02/2012 và Ngô Thị Ngọc G(Nữ), sinh ngày 13/11/2014. Bà S yêu cầu nuôi dưỡng con Ngô Thị Ngọc G, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Đối với con Ngô Thanh T, hiện nay đang ở cùng ông P nên bà S đồng ý tiếp tục giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chấp nhận giao con Ngọc G cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con Thanh T đang ở với ông P và cháu cũng có nguyện vọng sống với ông P nên đề nghị giao con Thanh T cho ông P nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông P. Cho nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ: Số 318B/14 khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, ông P vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thì theo bà S trình bày do bất đồng quan điểm, ông P không quan tâm gia đình, ham mê cơ bạc nên dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình. Ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa bà S xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P nên không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa.

Về phía ông P, mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng ông P đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn ông P không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân, cũng như không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với bà S.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên việc bà S yêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có hai con chung là cháu T, cháu G. Hiện nay cháu T sống chung với ông P, cháu G sống chung với bà S. Tại bản tự khai của cháu T thì cháu có nguyện vọng được sống cùng ông P, còn cháu G có nguyện vọng sống với bà S. Tại phiên tòa, bà S đồng ý giao cháu T cho ông P nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu G đang sinh sống cùng với bà S, việc giao cháu G cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu sau này. Đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với cháu T mặc dù ông P vắng mặt nhưng hiện nay cháu đang sống chung với ông P, bà S cũng xác nhận cháu T được chăm sóc tốt và xét nguyện vọng của cháu thì thiết nghĩ tiếp tục giao cháu cho

ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu G của bà S. Đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông P, bà S không ai được quyền ngăn cản.

Bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S cho rằng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa vắng mặt ông P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc S đối với ông Ngô Văn P về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Ngọc S ly hôn với ông Ngô Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thanh T(Nam), sinh ngày 25/02/2012 cho ông Ngô Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Ngô Thị Ngọc G cho bà Lê Thị Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông P và bà S, không ai có quyền cản trở.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu, ông P vắng mặt nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 005035 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- UBND P. Long Hòa, Q. Bình Thủy
(nơi đk kết hôn-GCNKH 66, I/2008);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thùy Hương